

Phần III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Dân số trung bình và sản lượng lương thực có hạt của nước ta năm 2020 và 2022

Năm	2020	2022
Dân số (nghìn người)	97582,7	99467,9
Sản lượng lương thực có hạt (nghìn tấn)	47325,5	47085,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta năm 2022 ít hơn năm 2020 bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Năm 2022, tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta là 753,9 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu chiếm tỉ lệ 51,04 % tổng trị giá xuất, nhập khẩu. Hãy cho biết trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2023, tổng diện tích tự nhiên của nước ta là 33133,8 nghìn ha, trong đó diện tích đất có rừng là 14860,2 nghìn ha. Hãy cho biết tỉ lệ che phủ rừng của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2023, dân số trung bình của nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số trung bình khu vực thành thị là 38,2 triệu người. Hãy cho biết tỉ lệ dân số trung bình khu vực nông thôn nước ta năm 2023 nhiều hơn tỉ lệ dân số trung bình khu vực thành thị là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm 2023 tại trạm quan trắc Huế

(Đơn vị : °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	19,0	22,2	23,5	27,4	28,9	29,9	30,1	30,4	28,1	26,0	24,6	22,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Huế năm 2023 là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Tổng sản lượng thủy sản, sản lượng thủy sản nuôi trồng của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2019 và năm 2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2019	2022
Tổng sản lượng thủy sản	4779,3	5097,8
Sản lượng thủy sản nuôi trồng	3249,2	3681,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2022 so với năm 2019 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

HẾT



PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nông nghiệp là ngành sản xuất có vị thế rất quan trọng, được xem là trụ đỡ của nền kinh tế, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Với những thế mạnh nổi bật về địa hình và đất, khí hậu, nguồn nước, sinh vật... là điều kiện để ngành nông nghiệp nước ta phát triển. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp vẫn đối mặt với những thách thức như quy mô sản xuất nhỏ lẻ, giá trị gia tăng thấp và chưa gắn kết chặt chẽ với công nghiệp. Để phát triển bền vững, cần tái cơ cấu ngành, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất theo định hướng phát triển nông nghiệp xanh.

- a) Thách thức lớn nhất đối với nông nghiệp nước ta hiện nay là trình độ lao động còn thấp.
- b) Nông nghiệp góp phần đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu cho nước ta.
- c) Mục đích chủ yếu của phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ ở nước ta hiện nay là khai thác tối đa điều kiện tự nhiên và đa dạng các loại các loại nông sản.
- d) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa phân hóa đa dạng là điều kiện để đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm nông nghiệp của nước ta.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Tây Nguyên có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng và đối ngoại của cả nước. Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế với các thế mạnh về cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khai thác bô-xít và du lịch. Khí hậu của vùng có sự phân hóa thành hai mùa mưa - khô rõ rệt và theo độ cao địa hình. Tuy nhiên, mùa khô kéo dài 4 đến 5 tháng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu,... tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- a) Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước là những giải pháp để phát triển bền vững ở vùng Tây Nguyên.
- b) Mùa khô ở Tây Nguyên kéo dài gây nhiều trở ngại cho sản xuất và đời sống người dân trong vùng.
- c) Điều kiện khí hậu tạo thuận lợi cho Tây Nguyên phát triển chủ yếu các cây công nghiệp lâu năm có nguồn gốc cận nhiệt đới.
- d) Khí hậu của vùng Tây Nguyên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Thiên nhiên Việt Nam nổi bật với tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa điển hình, tính chất này thể hiện rõ trong tất cả các thành phần của thiên nhiên Việt Nam. Thiên nhiên nước ta phân hóa đa dạng nhưng cũng thể hiện tính chất phức tạp. Sự phân hóa của tự nhiên đã tạo nên các thế mạnh khác nhau với những nét độc đáo và phân hóa lãnh thổ sản xuất, phân bố dân cư giữa các vùng, miền nước ta. Nhưng đồng thời cũng gây ra những khó khăn lớn, tác động đến việc phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân.

- a) Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên và các điều kiện phát triển đòi hỏi các vùng phải đảm bảo tính liên kết sản xuất trong phát triển kinh tế.
- b) Thiên nhiên phân hóa đa dạng là nhân tố quyết định để nước ta phát triển cơ cấu kinh tế nhiều ngành.
- c) Thiên tai diễn ra ở nhiều vùng, miền là biểu hiện cho sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta.
- d) Thiên nhiên nước ta phân hóa đa dạng theo Bắc - Nam, Đông - Tây và độ cao.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan, giai đoạn 2018 - 2022

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Xuất khẩu	328,6	323,8	257,7	296,5	325,9
Nhập khẩu	283,8	272,9	231,7	296,3	337,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2023)

- a) Từ năm 2018 đến 2022 trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan luôn cao hơn trị giá nhập khẩu.
- b) Năm 2022 so với năm 2018, trị giá nhập khẩu của Thái Lan tăng nhanh hơn trị giá xuất khẩu.
- c) Trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Thái Lan tăng liên tục trong giai đoạn 2018 - 2022.
- d) Năm 2019, Thái Lan có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá lớn nhất.

Trang 3/4 - Mã đề thi 0901

- Câu 7.** Trục giao thông đường bộ (đường ô tô) quan trọng nhất của nước ta là
- A. các tuyến đường hướng Bắc - Nam. B. các tuyến nối cửa khẩu và cảng biển.
C. các tuyến đường hướng Đông - Tây. D. các tuyến đường ven các đô thị lớn.
- Câu 8.** Biểu hiện nào sau đây thể hiện tính chất gió mùa của khí hậu nước ta?
- A. Nhiệt độ trung bình năm cao. B. Có hai mùa gió chính.
C. Độ ẩm không khí cao. D. Số giờ nắng trong năm nhiều.
- Câu 9.** Đảo nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ (thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung)?
- A. Lý Sơn. B. Phú Quốc. C. Bạch Long Vĩ. D. Cát Bà.
- Câu 10.** Quy mô dân số nước ta đông nên có
- A. lao động giàu kinh nghiệm. B. tỉ số giới tính tăng nhanh.
C. cơ cấu theo tuổi thay đổi. D. thị trường tiêu thụ rộng.
- Câu 11.** Hoạt động nội thương của nước ta hiện nay
- A. phát triển đồng đều giữa các vùng kinh tế.
B. có nhiều mặt hàng xuất khẩu với giá trị lớn.
C. diễn ra chủ yếu ở các trung tâm thương mại.
D. phát triển nhanh với đa dạng các loại hình.
- Câu 12.** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có nền nhiệt độ thấp hơn so với hai miền tự nhiên còn lại của nước ta chủ yếu do tác động kết hợp của
- A. gió Tín phong, khối khí, hướng dãy núi Hoàng Liên Sơn.
B. gió Tây Nam, hướng các dãy núi, gió mùa Đông Bắc.
C. độ cao địa hình, gió mùa mùa đông, gió mùa Tây Nam.
D. vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc mạnh, yếu tố địa hình.
- Câu 13.** Vị trí địa lí của nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?
- A. Trong khu vực kinh tế phát triển năng động của thế giới.
B. Nằm trong khu vực nội chí tuyến thuộc bán cầu Bắc.
C. Nằm trong vùng ngoại chí tuyến thuộc bán cầu Nam.
D. Nằm trên bán đảo Đông Dương thuộc Đông Nam Á.
- Câu 14.** Sự phân hóa lãnh thổ vùng du lịch ở nước ta với các sản phẩm và loại hình du lịch đặc trưng chủ yếu do sự khác nhau về
- A. phân bố dân cư. B. cơ cấu nền kinh tế.
C. tài nguyên du lịch. D. hạ tầng du lịch.
- Câu 15.** Giải pháp nào sau đây là chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở vùng Đông Nam Bộ?
- A. Đầu tư công nghệ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường.
B. Đẩy mạnh phát triển du lịch, đầu tư công nghệ, tăng vốn đầu tư.
C. Nâng cao chất lượng cuộc sống, thích ứng với biến đổi khí hậu.
D. Khai thác tự nhiên, tăng cường quản lí, thu hút đầu tư nước ngoài.
- Câu 16.** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta đang chuyển dịch theo hướng
- A. tăng nhanh tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng.
B. tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo.
C. thay đổi rõ rệt giá trị sản xuất giữa các vùng.
D. giảm dần tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.
- Câu 17.** Vùng Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?
- A. Trung Quốc. B. Thái Lan.
C. Cam-pu-chia. D. Lào.
- Câu 18.** Phải sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì lí do chủ yếu nào sau đây?
- A. Lai tạo các giống cây trồng chịu được mặn, phèn nhằm phát triển bền vững.
B. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.
C. Bảo vệ môi trường và phát triển nền nông nghiệp theo hướng bền vững.
D. Phát huy thế mạnh về tự nhiên của vùng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

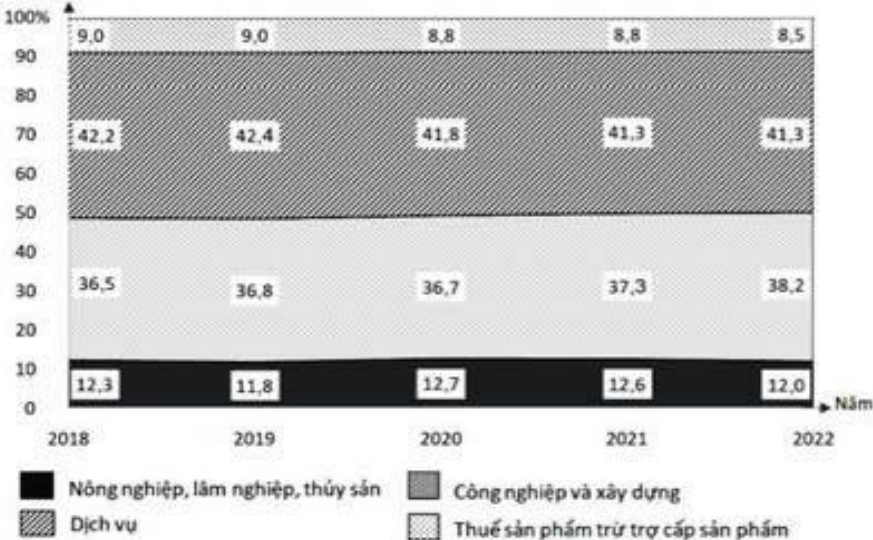
ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(đề thi có 04 trang)

Ngày thi: 21/5/2025
(Thời gian: 50 phút – không kể thời gian phát đề)

Mã đề thi: 0901

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

- PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.
- Câu 1.** Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở các địa phương miền núi nước ta trong mùa mưa?
A. Xâm nhập mặn. B. Sạt lở đất. C. Bão. D. Ngập lụt.
- Câu 2.** Thế mạnh nào sau đây là cơ sở để xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Khoa học - công nghệ tiên tiến, lao động có trình độ cao.
B. Khoáng sản than đá dồi dào, có nguồn vốn đầu tư lớn.
C. Địa hình dốc, mạng lưới sông suối dày, nhiều sông lớn.
D. Nhu cầu về điện trong nước ngày càng tăng, địa hình dốc.
- Câu 3.** Ngành công nghiệp nào sau đây của nước ta hiện nay đang phát triển dựa trên ưu thế về nguồn lao động trẻ, có trình độ chuyên môn và các yếu tố khoa học - công nghệ?
A. Công nghiệp khai thác than và khai thác dầu, khí.
B. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.
C. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và đồ uống.
D. Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục, giày, dép.
- Câu 4.** Hạn chế về tự nhiên ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của Bắc Trung Bộ là
A. thiên tai và biến đổi khí hậu. B. địa hình phân hóa đa dạng.
C. khí hậu có mùa đông lạnh. D. xâm nhập mặn diễn ra gay gắt.
- Câu 5.** Đô thị nào sau đây của nước ta hiện nay là thành phố trực thuộc Trung ương?
A. Nha Trang. B. Hà Nội. C. Vũng Tàu. D. Quy Nhơn.
- Câu 6.** Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế ở nước ta giai đoạn 2018 - 2022
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2023)

- Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?
- A. Công nghiệp và xây dựng tăng 5,0 % trong giai đoạn 2018 - 2022.
B. Tỷ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản giảm nhiều nhất.
C. Tỷ trọng dịch vụ biến động và giảm nhiều nhất giai đoạn 2018 - 2022.
D. Tỷ trọng của thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng nhanh nhất.